

NGUYỄN TRUNG TRỰC TRÊN ĐẤT LONG AN

Lê Công Lý

1. Nơi chôn nhau cắt rún

1.1. Nguyễn Trung Trực có tên khai sinh là Nguyễn Văn Lịch, còn gọi là Chơn (khi đót tàu *Espérance* [Hi vọng] xong mới đổi tên thành Nguyễn Trung Trực). Theo gia phả tại xóm Nghè (ấp 1, xã Thạnh Đức¹, huyện Bến Lức, tỉnh Long An) thì ông nội của Nguyễn Trung Trực là Nguyễn Văn Đạo, vốn là ngư dân ở xóm Lưới (ven biển), nay thuộc thôn Vĩnh Hội, xã Cát Tiến², huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Cuối thế kỉ XVIII, ông cùng người em trai là Nguyễn Văn Chong vào lập nghiệp tại hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông, thôn Bình Nhựt, tổng Bình Cách, huyện Thuận An, phủ Tân Bình, trấn Phiên An (triều Gia Long)³. Do xuất thân làm nghề đi biển nên vào đây gia đình ông cũng làm nghề chài lưới, lâu ngày hình thành tên gọi “xóm Nghè”. Hiện nay, ngay trong phần đất hương hoả của hậu duệ Nguyễn Trung Trực tại xóm Nghè vẫn còn con rạch có tên rạch Ông Thắng mà nhiều người cho rằng đó là biến âm của “ông Thắng”, tức Nguyễn Trung Thắng (hay Nguyễn Văn Phụng) là cha của Nguyễn Trung Trực.

¹ Cho đến nay, hầu hết các tài liệu đều viết rằng xóm Nghè [nay] thuộc xã Bình Đức là sai.

² Cho đến nay, hầu hết các tài liệu đều ghi xã Vĩnh Hội, huyện Phù Cát là không chính xác so với thực tế.

³ Sau đây là lịch trình hành chính của xóm Nghè:

- Đầu triều Minh Mạng: thuộc thôn Bình Nhựt, tổng Bình Cách Thượng, huyện Thuận An, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định.
- Năm Minh Mạng thứ 18: đổi thuộc thôn Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định.
- Từ 5/1/1876: gọi là làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, hạt tham biện Tân An.
- Từ 1/1/1900: thuộc làng Bình Nhựt, tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An tỉnh Tân An.
- Ngày 22/2/1926: đổi thuộc làng Bình Nhựt, tổng An Ninh Hạ huyện Cửu An, tỉnh Tân An.
- Thập niên 1930: thuộc làng Bình Nhựt, tổng An Ninh Hạ, quận Bến Lức, tỉnh Tân An.
- Sau 1956: thuộc ấp 5, xã Bình Nhựt, tổng An Ninh Hạ, quận Bến Lức, tỉnh Long An.
- Sau 30/4/1975: thuộc ấp 5, xã Nhựt Chánh (sáp nhập hai xã Bình Nhựt và Bình Chánh), huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Đầu năm 1976: thuộc ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.
- Ngày 11/3/1977: thuộc ấp 1, xã Bình Đức, huyện Bến Thủ (sáp nhập hai huyện Bến Lức và Thủ Thừa), tỉnh Long An.
- Ngày 14/1/1983: lại tách huyện Bến Thủ thành huyện Bến Lức và huyện Thủ Thừa, đồng thời chia xã Bình Đức thành hai xã mới là xã Bình Đức và xã Thạnh Đức. Xóm Nghè thuộc ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

(Tổng hợp từ nhiều nguồn mà chủ yếu là Nguyễn Đình Tư, *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2008).

Xóm Nghê nằm trên doi đất phía hữu ngạn sông Vàm Cỏ Đông, có vị trí đặc biệt quan trọng (xem hình H.1):

- Ven sông Vàm Cỏ Đông, con sông nối miền Đông và miền Tây Nam Bộ, lại có thể giao thương sang Campuchia và ra biển Đông.
- Năm ven tuyến đường thủy nội địa từ miền Tây lên Sài Gòn với kinh Thủ Thừa và sông Bến Lức.
- Năm ven đường Thiên Lý từ Sài Gòn đi miền Tây, nay là Quốc lộ 1A. Do đó, ở vị trí nay là cầu Bến Lức khi xưa có bến đò Bình Nhựt đưa khách bộ hành sang sông Vàm Cỏ Đông, người qua lại đông đúc.

Chẳng những nằm ở giao điểm giữa hai tuyến đường thủy và đường bộ quan trọng số 1 từ Sài Gòn – miền Tây, xóm Nghê còn nằm đối diện (bên kia bờ sông Vàm Cỏ Đông) với chợ Phước Tú (tục danh là chợ Bến Lức) vốn được xem như một tiểu kinh kì: “*Quán xá trù mật, thuyền bè qua lại tạm dừng để đợi nước lên để đi tiếp*”⁴. Phía sau chợ là huyện đường của huyện Tân Long. Nơi đây có trạm thu thuế đường sông Lật Giang (tên chữ của Bến Lức) có số thu lớn nhất Nam Kỳ⁵. Bài “Vè lái rôi” có kể về nổi khoan khoái của lái bạn đi thu mua cá khắp lục tỉnh khi về đến Bến Lức:

*Bến Lức này khác thể kinh kì,
Một con nước thì ra tới vịnh.
Bây giờ định tính,
Mặc sức lái bạn ăn chơi.*

Do nằm ở vị trí thuận lợi ấy nên người dân xóm Nghê ngoài chài lưới ra còn làm nghề lái rôi (lái mua bán cá đường sông) và đầu tư các sở thủy lợi ở các tỉnh miền Tây để khai thác cá⁶. Chính vì vậy mà trong bài “Điều Nguyễn Trung Trục” của Huỳnh Mẫn Đạt có câu: “*Đôi ba chỉ trụ ức ngư dân*” (Nhớ người dân chài đã làm cột đá trong lúc sóng lờ).

Theo ông Nguyễn An Thọ (sinh năm 1940, cháu 4 đời của Nguyễn Trung Trục) hiện cư ngụ tại xóm Nghê thì sau Nguyễn Trung Trục 2 – 3 thế hệ vẫn còn con cháu làm nghề lái rôi như: Nguyễn Văn Ký, Nguyễn Văn Hợi, Nguyễn Văn Chính, Đào Văn Hiệu, Nguyễn Văn Mên, Nguyễn Văn Đồng... Do xuất thân từ quê võ Bình Định, lại làm nghề lái rôi xuôi ngược trên sông nước Nam Bộ vốn thường bị bói (trộm cướp đường sông) nên gia đình Nguyễn Trung Trục vốn có truyền thống võ nghệ. Chính điều này đã sớm hun đúc nên tính cách anh hùng của ông.

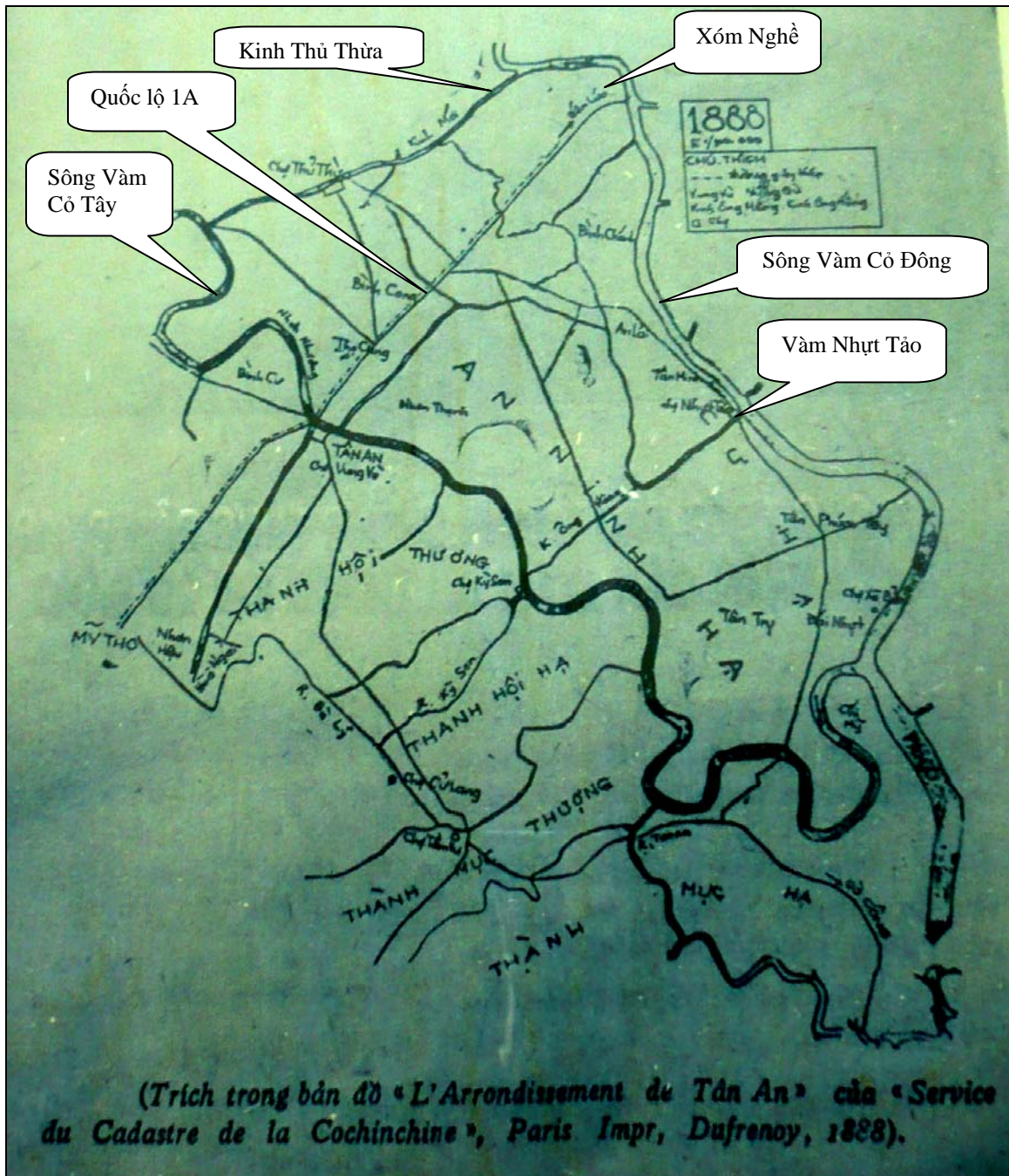
Điều quan trọng hơn là chính những người dân chài ở xóm Nghê và làng Nhựt Tảo dọc theo sông Vàm Cỏ Đông đã sát cánh cùng Nguyễn Trung Trục

⁴ Trịnh Hoài Đức, Sdd, tr.46.

⁵ Thạch Phương – Lưu Quang Tuyền chủ biên (cb), *Địa chí Long An*, Nxb Long An, Nxb Khoa học Xã hội, 1989, tr.183 – 184. Trạm này đặt vào năm Minh Mạng thứ 17 (1835), đến thời Tự Đức thì bãi bỏ.

⁶ Như các tên gọi (rạch) Sở Thượng, (rạch) Sở Hạ ở huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp chính là các sở thủy lợi khi xưa.

trong nhiều trận chiến, cả trận chiến cuối cùng ở Kiên Giang mà tên làng Nhựt Tảo ở Rạch Giá là bằng chứng⁷.



H.1: Bản đồ hạt tham biện Tân An 1888 của Sở Địa bạ Nam kì, ấn quán Dufrenoy, Paris (phần kí chú của L.C.L.).

⁷ Theo Sơn Nam trong bài “Nguyễn Trung Trực – đồng tướng Tân An phủ” của Phù Lang Trương Bá Phát trên tập san *Sử Địa* số 12 (10/12/1968), tr.33.

1.2. Nguyễn Trung Trực sinh năm 1839⁸ tại xóm Nghè, là thế hệ thứ 3. Tương truyền lúc nhỏ ông rất hiếu động và theo học võ ở vùng kinh Bảo Định⁹, xứ sở của quân Đông Sơn với căn cứ Ba Giồng nổi tiếng giai đoạn cuối thế kỉ XVIII. Vì tính tình chất phác nên ông được thầy dạy võ đặt tên Chơn. Ông rất giỏi võ, lại thường xuyên giao du rộng rãi với hào kiệt trong vùng nên sớm có uy tín. Đặc biệt, năm 18 tuổi ông thượng võ đài tại phủ lỵ Tân An (đóng tại chợ Cai Tài¹⁰, nay là xã Quê Mỹ Thạnh, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An) và giữ võ đài suốt 3 ngày liền nên tiếng tăm càng thêm vang dội. Thế nhưng ông không hề kiêu căng, rất mực điềm đạm. Trong “Hồ Huân Nghiệp truyện”, Nguyễn Thông (người đương thời, cùng quê phủ Tân An với Nguyễn Trung Trực) ghi nhận: “*Nguyễn Lịch [tức Nguyễn Trung Trực] tính thâm trầm nghiêm nghị và can đảm*”¹¹.

Xuất thân dân chài, lại giỏi võ và có tấm lòng yêu nước là điều kiện cần và đủ để Nguyễn Trung Trực chỉ huy các trận đánh Pháp mà chủ yếu là thủy chiến sau này.

2. Những chiến công trên đất Long An

Ngay từ năm 1860, Nguyễn Trung Trực đã tham gia đạo binh đồn điền của Trương Định với chức đội/cai đội (cai quản khoảng 50 – 60 quân), góp phần chống giữ đồn Kỳ Hòa. Ngày 24/2/1861, đồn Kỳ Hòa thất thủ, Trương Định lui về Gò Công còn cánh quân của Nguyễn Trung Trực thì hoạt động ở khu vực Tân An. Lúc này, Nguyễn Trung Trực giữ chức Quyền sung Quản binh đạo, gọi tắt là Quản binh (cai quản khoảng 50 binh) nên gọi là Quản Lịch hay Quản Chơn.

Chiếm được đầu não Sài Gòn, thực dân Pháp bắt đầu đánh chiếm rộng ra. Cuối tháng 3/1861, quân Pháp theo đường kinh Bảo Định từ sông Vàm Cỏ Tây đánh chiếm thành Định Tường. Theo Đào Văn Hội trong *Tân An ngày xưa*¹² thì chính Nguyễn Trung Trực chỉ huy mặt trận này, khiến trung tá chỉ huy là Bourdais cùng 30 lính Pháp bị giết. Chính thực dân Pháp phải than thở: “*Chưa có cuộc hành quân nào ở Nam Kỳ mà mệt nhọc và bị nhiều người chết chóc bằng cuộc hành quân này... Đó là cuộc chiến đấu liên miên cả ngày lẫn đêm...*”¹³.

⁸ Theo lời khai của ông với thực dân Pháp thì lúc bị bắt (năm 1868) ông 30 tuổi. Một người như Nguyễn Trung Trực thì đương nhiên phải dùng âm lịch, do đó suy ra ông sinh năm 1839 chứ không thể tính theo dương lịch thành 1938 như rất nhiều tài liệu hiện nay.

⁹ Con kinh nổi sông Vàm Cỏ Tây tại thị xã Tân An, tỉnh Long An với sông Tiền tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang hiện nay.

¹⁰ Thời đó tại chợ Cai Tài thường tổ chức các cuộc thi nên có câu ca dao:

*Bảng treo trước chợ Cai Tài,
Bên văn bên võ, ai có tài ra thi.*

¹¹ Cao Tự Thanh – Đoàn Lê Giang, *Tác phẩm Nguyễn Thông*, Sở Văn hóa Thông tin Long An xb, 1984, tr.280.

¹² Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xb, Sài Gòn, 1972.

¹³ Paulin Vial, *Histoire de la Cochinchine*, p.112 – 113. Dẫn theo Thạch Phương – Lưu Quang Tuyền (cb), tr.197.

Mặc dù gặp sự đánh chặn quyết liệt của quân dân ta dọc theo kinh Bảo Định (chỉ khoảng 20km mà có tới 6 đồn binh và 9 ụ cần), nhưng Pháp cũng chiếm được thành Định Tường ngày 12/4/1861. Lúc này, do quân chúng khắp nơi đồng loạt nổi dậy phản kháng quyết liệt nên quân Pháp bố trí nhiều chiến hạm tuần tiễu ngày đêm trên các sông rạch, bắn phá, khủng bố, tra xét gặt gạo.

Tại vàm sông Nhựt Tảo¹⁴ – một nhánh của sông Vàm Cỏ Đông, ăn thông sông Vàm Cỏ Tây bằng kinh Ông Hóng và rạch Châu Khê – tiểu hạm *Espérance* với 17 lính Pháp và Ma-ní thường trực án ngữ, trên bờ là đồn giặc vừa mới lập tại chợ Nhựt Tảo¹⁵ với 20 lính tập người Việt. Chỉ huy trận này là Quản Lịch (tức Nguyễn Trung Trực) cùng với hai Phó quản cơ là Huỳnh Khắc Nhượng và Nguyễn Văn Quang¹⁶ và 59 dân binh. Ngoài ra còn có sự phối hợp của những người trong bộ máy hành chính địa phương như hai anh em cai tổng Hồ Quang Minh và hương thân Hồ Quang Chiêu¹⁷ của làng Nhựt Tảo.

Dù không dẫn nguồn rõ ràng nhưng trong cuốn *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực* do Đặng Việt Thủy cb¹⁸ có miêu tả khá kỹ chiến thuật phối hợp, thăm dò địch tình như sau:

Cai tổng Hồ Quang Minh tỏ sự "cúc cung tận tụy" ra mặt, tích cực cộng tác với Pháp. Chính ông khuyên trung úy thuyền trưởng là Parfait nên làm mái lá dứa che trên tàu cho mát. Chúa tàu khen phải, cho thực hiện ngay. Ông Hồ Quang Minh bèn giới thiệu "ông Năm thợ mộc" (chính là Nguyễn Trung Trực) lên tàu dựng cột, lợp mái. Nhờ vậy nên Nguyễn Trung Trực đã am tường tình hình quân số, vũ khí, cách bố phòng, thói quen của tên thuyền trưởng và các sĩ quan cũng như giờ giấc đổi ca và đi càn của chúng. Bọn Pháp rất thích thú với mái nhà mát mẻ lợp bằng lá dứa trên tàu nên không hề đề phòng.

Đề phân tán lực lượng địch, sáng ngày 10/12/1861 Nguyễn Trung Trực cho một toán nghĩa quân làm kế nghi binh kéo về kinh Ông Hóng thuộc xã Bình Lãng

¹⁴ Vào triều Thiệu Trị và Tự Đức, thôn Nhựt Tảo thuộc tổng Cửu Cư Hạ, huyện Cửu An, phủ Tân An, tỉnh Gia Định. Đầu thời Pháp thuộc đặt thuộc hạt tham biện Tân An. Từ 1/1/1900 thuộc tỉnh Tân An. Ngày 14/2/1923, hợp với làng Tân Ninh và An Lái thành làng An Nhựt Tân. (Theo Nguyễn Đình Tư, Sđd, tr.752). Hiện nay vàm Nhựt Tảo nằm giữa xã An Nhựt Tân và xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Do vàm Nhựt Tảo chảy theo hướng đông – tây nên sáng sớm người ta nhìn thấy mặt trời mọc lên chỗ này sớm nhất, do đó gọi là Nhựt Tảo (mặt trời mọc sớm).

¹⁵ Chợ này sau 30/4/1975 bị giải tán.

¹⁶ Trong cuốn *Nguyễn Trung Trực* của Ban Bảo vệ Di tích Đình Nguyễn Trung Trực, Sở Văn hoá Thông tin Kiên Giang xb, 2004, tr.11, 13 ghi "Nguyễn Văn Sang" là sai.

¹⁷ Hiện nay tại đình Nhựt Tảo có bia đá (chữ Quốc ngữ) khắc gia phả họ Hồ, ghi nhận ông Hồ Quang Chiêu là "Thống lãnh binh của Nguyễn Trung Trực" và thờ bài vị (chữ Nho) "Phụng vi kê hiện Thống quản Hồ Quang Chiếu chi vị" 奉為繼賢統管胡光照之位. (Chữ 照 lẽ ra phải đọc là "Chiếu" nhưng hầu hết các tài liệu đều phiên âm là "Chiêu"). Mộ ông hiện còn tại xã An Nhựt Tân, có mộ bia đề "Thống lãnh binh Hồ Quang Chiêu" (bằng chữ Quốc ngữ). Chức danh "Thống lãnh binh" này là do người dân tôn xưng. Hai anh em Hồ Quang Minh và Hồ Quang Chiêu vốn là con của ông Hồ Quang Chương (tiền hiền làng Nhựt Tảo). Hiện cả ba ông đều có bài vị (bằng chữ Nho) thờ tại đình Nhựt Tảo.

¹⁸ Nxb Quân đội Nhân dân, 2008.

(huyện Tân Trụ), giống trống khua chiêng để như quân Pháp. Parfait là sĩ quan trẻ, háo thắng nên mặc mưu, liền chỉ huy một toán lính xuống ca-nô để đi càn quét, lính Pháp trên tàu chỉ còn lại một số nhỏ. Vào lúc gần trưa, nghĩa quân được điều động đi phá tàu dưới quyền chỉ huy của ông Nguyễn Trung Trực. Cả nam lẫn nữ đi trên hai chiếc ghe giả danh và nguy trang là đám cưới quê đi rước dâu¹⁹.

Theo *Gia Định tam tiên liệt truyện* của Trương Gia Mô thì một người đàn ông lớn tuổi đứng ra trình việc xin rước dâu, chú rể chính (Nguyễn Trung Trực) ra mắt quan bằng mâm quả hột gà, chú rể phụ dâng mâm đầy chuối. Lễ vật kính cN nên Pháp vui vẻ nhận, không đề phòng gì. Bất thần chú rể chính rút ở lưng cái búa to xáng lên đầu tên viên xếp còn chú rể phụ thì rút đoản kiếm lụi tên bồi rồi hô to: “Xáp chiến”. Cả đoàn rước dâu lột áo rộng ra, mỗi người chỉ còn quần xà lỏn, rút mác thông, mã tấu dưới chiếu ngồi nhảy bổ lên tàu, tha hồ chém giết. Quân giặc phần lớn đang ngủ trưa, trở tay không kịp, bị giết gần hết, chỉ có vài tên may mắn thoát xuống sông Nn nấp chờ viện binh. Vô số đầu chai, hỏa mai, con cú được ném lên tàu. Dân làng giạt lá trên các mái nhà ven sông phóng xuống. Lửa cháy ngút trời, tàu giặc nổ tung và chìm nghiêm. 20 tên lính tập trên đồn Nhựt Tảo cũng bị toán quân do hương thân Hồ Quang Chiêu chỉ huy diệt gọn. Khi Parfait quay trở lại thì chỉ thấy toàn thân đồng đội chết nằm la liệt²⁰.

Sách *Đại Nam thực lục chính biên (Đệ tứ kỉ, Q.26)* có tường thuật lại cuộc chiến này như sau: “*Khi ấy quân Tây dương đỗ tàu bọc đồng ở phần thôn Nhựt Tảo. Quyền sung Quản binh đạo là Nguyễn Văn Lịch sai sung Phó quản binh đạo là Hoàng Khắc Nhượng, Võ²¹ Văn Quang đều đem binh thuyền dọc theo ven sông, tới gần chỗ tàu quân Tây dương đậu, chia quân phòng bị và đặt quân phục kích, bèn đem 59 viên nhân quân chiến tâm chia làm 2 đạo, giả làm thuyền buôn thẳng tới tàu Tây dương, nhảy lên trước đâm chết 4 tên người Tây dương, những người cùng đi đều nhảy lên tàu một lượt giết bừa đi. Quân Tây dương nhảy xuống sông, hoặc chết hoặc thoát thân ; còn thì chui xuống khoang thuyền chống bắn. Quang liền hô 30 tên phục binh nổi dậy tiếp chiến. Bọn quản toán là Nguyễn Học, lương thân là Hồ Quang²² lấy búa sắt phá tàu của Tây dương không vỡ, tức thì phóng lửa đốt cháy hết. Vua thưởng cho bọn Lịch, Quản cơ Nhượng, Quang cộng 20 người làm Cai đội, đều cho ngân tiền và thưởng chung cho binh đình 1.000 quan tiền, 4 người bị chết cấp cho tiền tuất gấp 2 và ăm nhiều cho con hay cháu gọi bằng chú bác ruột. Lại chẩn cấp cho những nhà thôn ấy bị Tây dương đốt cháy.*

Thự Tuần phủ Gia Định là Đổ Quang, lĩnh Tuần phủ Định Tường là Đổ Thúc Tĩnh đều nói trận này là trận xuất sắc nhất, cho nên mới thưởng cho hậu”²³.

¹⁹ Phù Lang Trương Bá Phát (Bđd) lại dẫn cuốn *Les premières années de la Cochinchine* [Những năm đầu tiên ở Nam Kỳ] của Paulin Vial cho rằng toán quân của Nguyễn Trung Trực giả làm ghe buôn xin giấy phép để tấn công tàu.

²⁰ Dẫn theo Lê Thọ Xuân trong bài “Xin cung hiến một ít tư liệu về cụ Nguyễn Trung Trực”, tập san *Sứ Địa* số 12, tr.56 – 58.

²¹ Hầu hết các tài liệu khác đều ghi là Nguyễn Văn Quang.

²² Đúng ra là “hương thân Hồ Quang Chiêu” (L.C.L.).

²³ Tập 7, Nxb Giáo Dục, 2005, tr. 820 – 821.

Đây là chiến công vang dội trong những năm đầu chống Pháp: lần đầu tiên nhóm dân chài bằng vũ khí thô sơ và mưu trí đã tiêu diệt được chiến hạm của Pháp được trang bị vũ khí hiện đại. Chính vì vậy mà thực dân Pháp cay cú đốt hàng loạt nhà, chặt phá cây cối của làng Nhựt Tảo để trả thù và dựng bia kỉ niệm thất bại ngay tại vàm Nhựt Tảo²⁴. Ngược lại, vua Tự Đức cho trợ cấp các gia đình bị thiệt hại và ban thưởng những người tham gia trận đánh. Từ đây, Chánh quản cơ Nguyễn Văn Lịch đổi tên thành Nguyễn Trung Trục²⁵, cái tên đã đi vào lịch sử và tình cảm của cả dân tộc Việt Nam. Đồng thời chiến công “Hỏa hồng Nhựt Tảo oanh thiên địa” (Huỳnh Mẫn Đạt – “Điếu Nguyễn Trung Trục”) đã trở thành nổi ám ảnh của thực dân Pháp và niềm cổ vũ lớn lao cho nghĩa quân²⁶.

Ngày 16/12/1862, Nguyễn Trung Trục lại chỉ huy nghĩa quân tấn công tiêu hạm khác của Pháp trên rạch Tra²⁷, “*giết chết tên đại úy chỉ huy trưởng Thouroude và một số lính Pháp, lấy được hầu hết khí giới, đạn dược. 10 ngày sau khi trận đánh xảy ra, trung tướng Bonard, tổng chỉ huy quân viễn chinh Pháp, đã vội vã ra lời kêu gọi quân sĩ dưới quyền, động viên và trấn an bọn này đang hồi sa sút tinh thần nghiêm trọng*”²⁸.

Sau đó Nguyễn Trung Trục tiếp tục chỉ huy nghĩa quân tấn công một tiêu hạm khác của Pháp đậu tại đầu vàm sông Bến Lức²⁹ nhưng quân Pháp kịp thời dùng súng bắn đá bắn đạn sắt gần trúng khiến nghĩa quân ta rã. Tuy vậy, thực dân

²⁴ Bia này đã bị chính quyền địa phương phá sau năm 1975, hiện nay chỉ còn lại nền ở phía sau trụ sở UBND xã An Nhựt Tân. Theo bà Tư Bí (92 tuổi) ở sát vàm Nhựt Tảo thuộc xã An Nhựt Tân thì trên bia này có dòng chữ “*Aux morts français dans l'année 1861*” [Kỉ niệm những người Pháp tử trận trong năm 1861].

²⁵ Có tài liệu nói ông đổi tên để tránh thực dân Pháp theo dõi, nhưng cũng có thể để thể hiện chí nguyện hết lòng vì dân vì nước của ông.

²⁶ Năm 1996 vàm Nhựt Tảo được Bộ Văn hóa Thông tin xếp hạng là di tích Quốc gia.

²⁷ Ban Bảo vệ Di tích Đình Nguyễn Trung Trục, Sđd, tr.7 ghi “sông Trà” là sai.

²⁸ Thạch Phương – Lưu Quang Tuyển cb, Sđd, tr.202. Sách này dẫn từ “Nhật lệnh” của tướng Bonard (Thống đốc Nam Kỳ kiêm tổng chỉ huy) đăng trên *Công báo đoàn viễn chinh Nam Kỳ số 1 – 1863*, tr.253. Trong “Nhật lệnh” này không nói rõ là rạch Tra ở Gò Công (Tiền Giang) hay ở Đức Hoà (Long An) nên gây phân vân, vì con hai rạch này cùng tên (lấy tên từ loài cây mọc ven sông rạch), trong đó rạch Tra ở Đức Hoà ăn ra sông Vàm Cỏ Đông còn rạch Tra ở Gò Công thì ăn ra sông Vàm Cỏ (đoạn hợp lưu giữa sông Vàm Cỏ Đông và sông Vàm Cỏ Tây). Tuy nhiên, có lẽ là rạch Tra ở Gò Công (mặc dù không thấy dẫn nguồn tài liệu rõ ràng) vì trong trận rạch Tra ở Đức Hoà thì theo Paulin Vial (Sđd): “*Ba chiếc tiêu hạm đậu trên sông Vàm Cỏ Đông để kiểm soát sự lưu thông trên sông ấy, bị tấn công thật tình dữ dội bởi những lũ người đông đảo vì họ bị nung đốt do kỉ niệm tàu Espérance phát hoả. Một trong ba chiếc ấy, chiếc số 3, đậu trên mé nguồn sông, dưới Tây Ninh một đôi [chính là rạch Tra ở Đức Hoà], bị công hãm bởi nhiều ghe có bố trí súng thần công. Viên hậu tuyến sĩ quan chỉ huy chiếc này bị thương, nhưng bắt đặng 3 ghe địch [L.C.L. nhân mạnh]*” (Dẫn theo Phù Lang Trương Bá Phát, tr.9 – 10). Dù vậy, người dân trong vùng vẫn gọi “rạch Tra” (nay ở xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An) vì nó nhỏ và gọi “sông Trà” (nằm giữa xã Đông Sơn, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang và xã Thanh Vĩnh Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Long An) vì nó lớn hơn.

²⁹ Sông Bến Lức là con sông nhỏ nối sông Vàm Cỏ Đông tại chợ Bến Lức, ăn tới chợ Đệm rồi nối với kinh Bến Nghé.

Pháp vô cùng hoang mang. Vial nhận định: “*Những cảnh ghê gớm ấy đều là kết quả của những âm mưu của quân địch*”³⁰.

Ngày 5/6/1862, triều đình Huế kí hòa ước nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Sau khi toàn bộ 3 tỉnh miền Đông là Biên Hòa, Gia Định, Định Tường rơi vào tay giặc, Nguyễn Trung Trực chuyển địa bàn hoạt động ở các tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông ra Bình Định nhận chức Lãnh binh (quan chỉ huy quân sự cấp tỉnh). Đến giữa năm 1867 ông được vua Tự Đức phong chức Thành thủ úy³¹ Hà Tiên, nhưng ông chưa kịp đến nơi thì thực dân Pháp đã chiếm Hà Tiên rồi (24/6/1867). Ông lui về Hòn Chông lập căn cứ chống Pháp. Cũng chính tại đây Nguyễn Trung Trực lại lập nên chiến công hiển hách và chọn Kiên Giang làm quê hương thứ hai để gửi năm xương tàn hiến dâng cho tổ quốc.

3. Hoạt động tưởng niệm Nguyễn Trung Trực trên đất Long An

Nguyễn Trung Trực hi sinh cách đây chỉ 141 năm nhưng việc xác định ngày mất của ông của ông vẫn không thống nhất.

Về ngày dương lịch, hầu hết các tài liệu đều ghi là 27/10/1868. Cá biệt chỉ có Vương Hồng Sên trong bài “Chung quanh vấn đề viết soạn tiểu sử Nguyễn Trung Trực cũng như của các nhân vật lịch sử khác” (tập san *Sử Địa* số 12, Sài Gòn, 1968, tr.135) ghi là 27/9/1868. Riêng cuốn *Tìm hiểu Kiên Giang* (Dương Tấn Phát cb, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang xb, 1986, tr.75) cũng ghi 27/9/1868, nhưng trang 116 lại ghi là 27/10/1868.

Việc ghi nhận Nguyễn Trung Trực hi sinh ngày 27/9/1868 rõ ràng là không chính xác vì có rất nhiều tài liệu của Pháp đều ghi là ngày 27/10/1868.

Về ngày âm lịch, có một số tài liệu ghi là 12/9 năm Mậu Thìn³², nhưng các tài liệu khác lại ghi là 28/8 năm Mậu Thìn³³. Tuy nhiên, theo bảng đối chiếu ngày, tháng, năm âm lịch với ngày, tháng, năm dương lịch của Lê Thuộc trong cuốn *Niên biểu Việt Nam* (Vụ Bảo tồn Bảo tàng, Nxb Khoa học Xã hội, 1984, tr.93) thì chỉ có ngày 12/9 năm Mậu Thìn mới ứng với ngày 27/10/1868. Dù vậy, cho đến nay phần lớn các nơi đều cúng giỗ Nguyễn Trung Trực vào ngày 28/8 âm lịch, cho nên vấn đề này cần phải được nghiên cứu thêm.

³⁰ Dẫn theo Phù Lang Trương Bá Phát, bđd, tr.11.

³¹ Theo *Đại Nam quốc âm tự vị* của Huỳnh Tịnh Paulus Của thì *Thành thủ úy* 城守尉 còn gọi là *Quan tuần thành*, là “*quan giữ chìa khoá cổng thành hay việc tuần phòng tại tỉnh thành*”. Theo *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh thì *Thành thủ úy* còn gọi là *Thành úy* 城尉, tức “*quan giữ thành*”. Theo *Tự điển Việt Nam* của Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ thì *Thành thủ úy* là “*chức quan võ hàm chánh tứ phẩm (4-1), ngang với chức Lãnh binh [?]*”.

³² Chẳng hạn: Phù Lang Trương Bá Phát, Bđd, tr.25; theo bản tông chi của nhánh hậu duệ Nguyễn Trung Trực ở xóm Nghê (xã Thạnh Đức) và ngày giỗ tại chùa Sùng Đức (trước 1975 là số 136 đường Lục Tỉnh, nay là số 688 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM), ngày giỗ tại nhà ông Mã Ngọc Ba tại thị trấn Tân Thạnh, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

³³ Chẳng hạn: Phạm Văn Sơn, “Nguyễn Trung Trực – một Kinh Kha của miền Nam” tập san *Sử Địa* số 12, tr.74; Nguyễn Văn Khoa, Sđd, tr.38; ngày giỗ Nguyễn Trung Trực của Giáo hội Phật giáo Hoà Hảo; ngày giỗ Nguyễn Trung Trực tại các đình ở Rạch Giá; v.v.

Do thực dân Pháp cấm đoán nên hoạt động thờ cúng và tưởng niệm người anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực lúc đầu chỉ diễn ra lén lút và không chính thống. Rất nhiều tài liệu cho rằng, khi Nguyễn Trung Trực bị hành hình, vua Tự Đức vô cùng thương tiếc, đích thân làm bài thơ truy điệu Nguyễn Trung Trực và sắc phong ông là Thượng đẳng linh thần. Ghi nhận đó không hề có cơ sở. Về bài thơ vừa nói thì Đông Hồ trong bài “Cải chính một điều làm tài liệu về Nguyễn Trung Trực” (tập san *Sử Địa* số 12) đã khẳng định đó là do Trương Gia Mô sáng tác. Còn về chuyện sắc phong thì hiện nay không hề có sắc thần Nguyễn Trung Trực³⁴ và trên tạp chí *Xưa&Nay* số 10/1998, Nguyễn Nghị có bài “Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu của Pháp” đã dẫn tài liệu từ *Cơ mật viện vi trích tư sự* đề ngày 6/2 [âm lịch] năm Tự Đức thứ 24 [1872] ghi lại lời Dụ của Tự Đức rằng: “*Cứu xét rõ nguyên uỷ, sự trạng của hai tên này [Hồ Huân Nghiệp và Nguyễn Trung Trực] xuất thân như thế nào, đã từng làm quan hay chưa, theo ai làm việc gì, chết ngày nào...*”. Điều này chứng tỏ 4 năm sau khi Nguyễn Trung Trực bị hành hình thì Tự Đức mới biết.

Nhánh hậu duệ Nguyễn Trung Trực tại xóm Nghè không thể làm lễ giỗ ông công khai mà phải thờ và giỗ lén lút tại chùa Sùng Đức (gần Chợ Lớn) do người cháu đời thứ 3 là ông Nguyễn Văn Cây (tức sư Thiện Nghiêm) đang trụ trì tại đây tổ chức. Ngoài ra, ông Nguyễn An Khương (còn gọi là Mã Ngọc Ba) là cháu đời thứ 5 từ thập niên 1990 cũng tổ chức lễ giỗ Nguyễn Trung Trực tại nhà riêng vào ngày 12/9 âm lịch hàng năm ở thị trấn Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Riêng tại xóm Nghè, tuy không tổ chức lễ giỗ Nguyễn Trung Trực nhưng hàng năm vào ngày 10/3 âm lịch đều có tổ chức cúng để kỉ niệm ngày ông ra đi đánh Pháp với lời nguyện nếu không quét sạch giặc Pháp thì không trở về. Hàng năm lễ cúng này được tổ chức ngay tại nơi nhà cũ của Nguyễn Trung Trực, nay là nhà ông Nguyễn Văn Bảy (cháu đời thứ 5). Lễ cúng này có nghi thức thả bè xuống sông kèm theo gạo muối để tưởng nhớ ngày ông lên đường giết giặc cứu nước.

Có một chi tiết đặc biệt là dù lễ cúng Nguyễn Trung Trực diễn ra ở đâu và khi nào thì lễ vật ở bàn thờ chính vẫn là đồ chay cùng với hoa quả, trà rượu. Các món mặn như heo, gà... chỉ dùng để cúng binh gia ở bàn ngoài. Tại đình Nguyễn Trung Trực ở Rạch Giá, trong và sau giỗ 3 – 5 ngày còn có tổ chức phục vụ cơm chay cho bá tánh thập phương. Việc cúng chay mang đậm tính Phật giáo này có thể là do Nguyễn Trung Trực có gia nhập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương. Ngay từ những ngày đầu mới kéo quân về miền Tây, ông đã sớm tiếp xúc và gia nhập đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, đồng thời lại là đồng chí thân thiết của Đức Cố quản Trần Văn Thành, một đại đệ tử của Đức Phật Thầy Tây An.

³⁴ Tại đình thần Long Phú, nay thuộc thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức vốn có sắc phong *Thành hoàng bốn cảnh* vào năm Tự Đức thứ 5 (1852). Đến những năm sau 1975, vì chứng kiến đình thần ở xã Bình Đức bên cạnh dẹp bỏ (vì có sắc của Bảo Đại phong cho một người lính Việt chết do có công cứu một sĩ quan Pháp) nên Ban Hội hương sợ, bèn sẵn có chữ “Trực” trong danh hiệu ghi trong sắc thần là “*Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng chi thân*”, sửa thành ra sắc phong Nguyễn Trung Trực, mặc dù niên đại ghi trong tờ sắc trước cả khi Pháp sang xâm lược nước ta.

Riêng về di vật của Nguyễn Trung Trực, theo người cháu 4 đời là Nguyễn An Thọ (thường xuyên ở chùa Sùng Đức trước 1975) thì, sau khi Nguyễn Trung Trực hi sinh, nghĩa quân có giao cho bà Nguyễn Thị Đạt (bà Tư Đạt) là chị ruột của Nguyễn Trung Trực (Năm Lịch) áo mào cùng chiếc ấn của ông³⁵. Thế rồi bà Nguyễn Thị Đạt giao lại cho con là ông Đào Văn Tế, ông Đào Văn Tế lại giao cho con là Đào Văn Hiệu.

Đến cuối năm 1945, Pháp trở lại xâm lược nước ta với thủ đoạn càng tàn bạo hơn, ông Đào Văn Hiệu sợ liên lụy nên đốt hết áo mào, còn chiếc ấn Nguyễn Trung Trực thì giao lại cho người cháu 3 đời của Nguyễn Trung Trực là ông Nguyễn Văn Chính (Tám Còn).

Cũng cuối năm 1945, Đức Huỳnh giáo chủ thành lập Bộ đội Nguyễn Trung Trực để chống Pháp. Năm 1946, ông Nguyễn Văn Chính giữ chức Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến xã Bình Nhựt. Khi bộ đội Nguyễn Trung Trực từ miền Tây kéo lên Sài Gòn, ông Nguyễn Văn Chính có mang chiếc ấn Nguyễn Trung Trực ra đóng dấu lên lá cờ của cánh quân này rồi ông rút vô bung kháng chiến.

Năm 1947, ông Nguyễn Văn Chính đi tu ở chùa Hòa Hưng (Sài Gòn), giao ấn Nguyễn Trung Trực lại cho ông Nguyễn Văn Cây. Ông Nguyễn Văn Cây giữ và thờ chiếc ấn của Nguyễn Trung Trực ngay tại trong liêu của mình tại chùa Sùng Đức. Năm 1964, ông Cây mất, đệ tử ông là Huỳnh Đức thay thế làm trụ trì chùa, vẫn giữ việc thờ và cúng giỗ Nguyễn Trung Trực.

Đến năm 1965, chùa Sùng Đức được trùng tu, sau đó thì phát hiện chiếc ấn của Nguyễn Trung Trực đã bị mất. Đến đây, di vật thiêng liêng của Nguyễn Trung Trực coi như không còn gì.

So với Kiên Giang thì hoạt động tưởng niệm Nguyễn Trung Trực trên đất Long An có phần yếu hơn. Mãi đến năm 1989 người ta mới dựng bia ghi danh nhỏ ở tại xóm Nghê³⁶ và bia lưu niệm nhỏ vòm Nhựt Tảo. Năm 1998, khu du lịch sinh thái Nguyễn Trung Trực bắt đầu được xây dựng tại xóm Nghê, đến nay vẫn chưa hoàn thành. Năm 2003, khu du lịch này xây dựng *đền tưởng niệm anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực* trên gò đất nhân tạo trong khuôn viên khu du lịch và tổ chức lễ giỗ với qui mô nhỏ vào ngày 28/8 âm lịch hàng năm.

³⁵ Sở dĩ nghĩa quân giao di vật cho bà Nguyễn Thị Đạt mà không giao cho anh trai ông (Nguyễn Văn Hoà) là vì Nguyễn Trung Trực với bà Nguyễn Thị Đạt là chị em cùng cha cùng mẹ, so với ông Nguyễn Văn Hoà là anh cùng cha khác mẹ.

³⁶ Bia ghi danh này có dẫn hai câu thơ:

*“Lửa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm trắng Kiên Giang khốc [sic] quý thân”*

gây nhiều tranh cãi nên đến năm 2001 phải phá bỏ làm lại bia khác, sửa thành:

*“Hoả hồng Nhật Tảo oanh thiên địa,
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quý thân”.*

Từ năm 2008, UBND xã Thạnh Đức bắt đầu tổ chức lễ giỗ Nguyễn Trung Trực tại bia ghi danh Nguyễn Trung Trực thuộc xóm Nghè, cũng vào ngày 28/8 âm lịch. Tuy là lễ giỗ lần đầu với qui mô lớn nhưng cũng thu hút khoảng 500 người đến lễ bái. Ngoài phần lễ giỗ ra còn có hội biểu diễn võ thuật, múa lân, múa rồng và đờn ca tài tử với những nghệ sĩ của quê hương Long An để ca ngợi đất Long An và chiến công Nhựt Tảo. Hiện nay UBND huyện Bến Lức đang có kế hoạch mở rộng khu dịch tích xóm Nghè đến 2ha.

Riêng tại vòm Nhựt Tảo, từ năm 2001, UBND tỉnh Long An cho xây dựng khu lưu niệm chiến thắng Nhựt Tảo với qui mô 4,5ha, dự kiến sẽ khánh thành vào 22/11/2009.

Nguyễn Trung Trực là hình ảnh tiêu biểu của phong trào chống Pháp giai đoạn đầu nên mặc dù bị thực dân Pháp ra sức cấm đoán, ông vẫn được kính đáo thờ cúng tại hàng chục ngôi đình ở hầu khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ như: Long An, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang, Cà Mau...

Đặc biệt, từ một anh hùng dân tộc với danh hiệu Thượng đẳng Linh thần (do nhân dân tôn xưng), Nguyễn Trung Trực đã sớm trở thành đối tượng tôn thờ của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa và sau này là Phật giáo Hòa Hảo với danh hiệu Quan Thượng đẳng Đại thần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bảo vệ Di tích Đình Nguyễn Trung Trực, *Nguyễn Trung Trực*, Sở Văn hoá Thông tin Kiên Giang xb, 2004.
2. Cao Tự Thanh – Đoàn Lê Giang, *Tác phẩm Nguyễn Thông*, Sở Văn hóa Thông tin Long An xb, 1984.
3. Dương Tấn Phát cb, *Tìm hiểu Kiên Giang*, Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng tỉnh Kiên Giang xb, 1986.
4. Đặng Việt Thủy cb, *Hỏi đáp về cuộc khởi nghĩa Nguyễn Trung Trực*, Nxb Quân đội Nhân dân, 2008.
5. Đào Duy Anh, *Hán Việt từ điển*, Nxb Văn hóa Thông tin, 2005.
6. Đào Văn Hội, *Tân An ngày xưa*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hoá xb, Sài Gòn, 1972.
7. Đông Hồ, “Cải chính một điều lầm tài liệu về Nguyễn Trung Trực”, tập san *Sử Địa* số 12 (10/12/1968).
8. Giang Minh Đoán, *Nguyễn Trung Trực, anh hùng kháng chiến chống Pháp*, Nxb TP.HCM, 1991.
9. Huỳnh Tịnh Paulus Của, *Đại Nam quốc âm tự vị*, Imprimerie REY, CURIOL & C^{ie}, Sài Gòn, tập 1: 1895, tập 2: 1896.
10. Lê Thọ Xuân, “Xin cung hiến một ít tư liệu về cụ Nguyễn Trung Trực”, tập san *Sử Địa* số 12.
11. Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ, *Tự điển Việt Nam* [2 tập], Khai Trí xb, SG, 1972.

12. Léopold Pallu, *Lịch sử cuộc viễn chinh Nam Kỳ*, Hoang Phong dịch, Nxb Phương Đông, 2008.
13. Nguyễn Đình Tư, *Từ điển địa danh hành chính Nam Bộ*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2008.
14. Nguyễn Nghị, “Nguyễn Trung Trực qua một số tư liệu của Pháp”, tạp chí *Xưa&Nay*, số 10/1998.
15. Nguyễn Văn Khoa, *Anh hùng kháng Pháp Nguyễn Trung Trực*, Nxb Trẻ, 2001.
16. Phạm Văn Sơn, “Nguyễn Trung Trực – một Kinh Kha của miền Nam”, tập san *Sử Địa* số 12.
17. Phù Lang Trương Bá Phát, “Nguyễn Trung Trực – dũng tướng Tân An phủ”, tập san *Sử Địa* số 12.
18. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 7 (*Đệ tứ kỉ*), Nxb Giáo Dục, 2005.
19. Sơn Nam, “Đất khởi nghĩa và vài giai thoại về Nguyễn Trung Trực”, tập san *Sử Địa* số 12.
20. Sơn Nam, *Danh thắng miền Nam*, Nxb Tổng hợp Đồng Tháp, 1998.
21. Thạch Phương – Lưu Quang Tuyển cb, *Địa chí Long An*, Nxb Long An, Nxb Khoa học Xã hội, 1989.
22. Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*, Bản dịch của Lý Việt Dũng, Nxb Đồng Nai, 2005.
23. Trương Minh Đạt, “Điều làm khó thay đổi (về Nguyễn Trung Trực)”, T/c *Khoa học Xã hội (TP.HCM)*, số 14/1992.
24. Vĩnh Xuyên, *Nguyễn Trung Trực (chuyện kể dân gian)*, Nxb Mũi Cà Mau, 1998.
25. Vĩnh Xuyên, *Nguyễn Trung Trực (diễn ca)*, Nxb Mũi Cà Mau, 1999.
26. Vĩnh Xuyên, *Nguyễn Trung Trực (thân thế và sự nghiệp)*, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Kiên Giang xb, 1995.
27. Vụ Bảo tồn Bảo tàng, *Niên biểu Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, 1984.
28. Vương Hồng Sển, “Chung quanh vấn đề viết soạn tiểu sử Nguyễn Trung Trực cũng như của các nhân vật lịch sử khác”, tập san *Sử Địa* số 12.



Hình trên: Tranh đánh tàu Espérance (Bảo tàng L.A) (Ảnh: Lê Công Lý)



Hình trên: Tranh đánh tàu Espérance (khu du lịch sinh thái Nguyễn Trung Trực, xóm Nghè) (Ảnh: Lê Công Lý)



Hình trên: Bia ghi danh tại xóm Nghề (Ảnh: Lê Công Lý)



Hình trên: Bia lưu niệm chiến thắng Nhựt Tảo (Ảnh: Lê Công Lý)



Hình trên: Nhà lưu niệm chiến thắng Nhựt Tảo (Ảnh: Lê Công Lý)